

Số: 143/2021/QĐST-HNGĐ

TN, ngày 27 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 91/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm C, xã HC, huyện P B, tỉnh T N.

Bị đơn: Anh Tạ Đình C, sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm C, xã HC, huyện P B, tỉnh TN.

Căn cứ vào Điều 143, 144, 146, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đỗ Thị H và anh Tạ Đình C.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ vợ chồng: Chị Tạ Thị H và anh Tạ Đình C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nhất trí thuận tình ly hôn để giải phóng cho nhau.

2.2 Về con chung: anh Tạ Đình C trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy, giáo dục hai con chung Tạ Thị H1, sinh ngày 23/10/2012 và Tạ Thị V, sinh năm 19/7/2014 đến khi các con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng/1 con (hai con là 2.000.000đ/tháng) đến khi các con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, anh C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H không tự nguyện thi hành số tiền trên thì hàng tháng chị H còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Chị H tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm ngàn đồng) tiền án phí LHST và 150.000đ (Một trăm năm ngàn đồng) tiền án phí DSST vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000481 ngày 18/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P B, tỉnh T N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAT TN;
- VKS ND H. P B;
- Chi cục THADS H.P B;
- UBND xã H C;
- Các Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Minh Huệ